TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2025
V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Miêng
2. Ông Lê Văn Tài

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Sỉ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim C, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 3 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Mai Văn S, sinh năm 1975; Địa chỉ: 3 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C2, Chi nhánh huyện T. Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải bà Bùi Thị Kim C trình bày:

Tôi và ông Mai Văn Sinh S1 chung với nhau từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình sống chung có 02 con chung tên tên Mai Thị Cẩm T, sinh ngày: 04/3/1996 và Mai Văn T1, sinh ngày: 05/01/2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên nay yêu cầu Tòa án không công nhận giữa tôi và ông S là vợ chồng.

- Về con chung: Mai Thị Cẩm T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Tôi yêu cầu được nuôi Mai Văn T1 và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội 70.000.000 đồng, tôi đồng ý tự nguyện trả.

Ngày 15/01/2025 bà Bùi Thị Kim C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Mai Văn S trình bày:

Tôi đồng ý với lời trình bày của bà Bùi Thị Kim C về việc sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn và các con chung, nợ chung như bà C trình bày. Chúng tôi xảy ra mâu thuẩn nên không thể hàn gắn được, nay tôi đồng ý theo yêu cầu của bà C.

- Về hôn nhân: Đồng ý không công nhận giữa tôi và bà Bùi Thị Kim C là vợ chồng.

- Về con chung: Tôi đồng ý để cháu Mai Văn T1 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng. Cháu Mai Thị Cẩm T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội 70.000.000 đồng. Do bà C tự nguyện nhận trả nên tôi đồng ý.

Ngày 15/01/2025 ông Mai Văn S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C2, Chi nhánh huyện T có ý kiến như sau:

Bà Bùi Thị Kim C1 và ông Mai Văn S có dư nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2, số tiền nợ tại Ngân hàng đến ngày 11/02/2025 như sau:

- Số tiền nợ gốc: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng)

- Số tiền nợ lãi: 0 đồng (Không đồng)

Ngày 11/01/2025, Bà Bùi Thị Kim C1 và ông Mai Văn S có liên hệ đến Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C2 cam kết thống nhất bà Bùi Thị Kim C sẽ có trách nhiệm với món vay đã vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2.

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C2 xin không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm c Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/UBTVQH ngày 09/6/2000 không công nhận bà C và ông S là vợ chồng, về con chung Mai Thị Cẩm T, sinh ngày: 04/3/1996 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, bà Bùi Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Mai Văn T1, sinh ngày: 05/01/2011 và ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C

không có yêu cầu, Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị C về việc chị Chi trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C2, tỉnh Bến Tre số tiền 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Ông Mai Văn S đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà C ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Bùi Thị Kim C và ông Mai Văn S có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về hôn nhân: Bà C và ông S tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình chung sống ông, bà có 02 người con chung nhưng từ những mâu thuẫn trong cuộc sống mà ông bà đã không tìm cách khắc phục và không có thiện chí bàn bạc, hàn gắn để đoàn tụ. Quá trình giải quyết bà C và ông S đều thống nhất không công nhận ông, bà là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Q, không công nhận bà Bùi Thị Kim C và ông Mai Văn S là vợ chồng.

[5] Về con chung: Bà C và ông S có 02 con chung là Mai Thị Cẩm T, sinh ngày: 04/3/1996 và Mai Văn T1, sinh ngày: 05/01/2011.

Trong đó Mai Thị Cẩm T, sinh ngày: 04/3/1996 đã trưởng thành, bà C và ông S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Cháu Mai Văn T1 sau khi lấy ý kiến, nguyện vọng: Cháu trình bày đang sống chung với mẹ và cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần để cháu T1 cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Bà C không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà C và ông S trình bày tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà C và ông S đều trình bày có nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện C2 số tiền 70.000.000 đồng và bà C tự nguyện trả. Tuy nhiên, ngân hàng cho rằng bà C và ông S có liên hệ đến Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C2 cam kết thống nhất bà C sẽ có trách nhiệm với món vay đã vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2. Do đó, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C2 xin không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C2, tỉnh Bến Tre số tiền 70.000.000 đồng.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Kim C có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định.

[9] về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm c Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/UBTVQH ngày 09/6/2000; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị Kim C và ông Mai Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung Mai Thị Cẩm T, sinh ngày: 04/3/1996 đã trưởng thành, bà C và ông S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Bà Bùi Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Mai Văn T1, sinh ngày: 05/01/2011. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Bà C và ông S trình bày tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C2, tỉnh Bến Tre số tiền 70.000.000 đồng.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Bùi Thị Kim C có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005924 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã An Thạnh;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
*(*Đã ký*)*

Huỳnh Minh Trí